TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày: 25/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2. Ông **Trương Thoại Lượng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2018/HS-ST, ngày 19 tháng 19 năm 2018 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HS, ngày 28/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HS, ngày 16/01/2019) đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Vĩnh M** (tên gọi khác: Trần Văn M, Xí M), sinh năm 1987, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Tổ 15, khu phố Cư xá, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh KG; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vĩnh T và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: vào ngày 09/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010, đã được xóa án tích); Ngày 09/7/2015, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội "Cướp giật tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017). Đến ngày 11/7/2018, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Chống người thi hành công vụ", quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 (bị cáo đang chấp hành hình phạt tù); tiền sự: không (bị cáo có mặt).

- Người bị hại: Ông **Danh U**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp Trà Quýt, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh ST(vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà **Võ Thị Kim T** sinh năm 1965; ấp Trà Quýt, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

2. Ông **Thạch Hoàng S**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp Trà Q, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh ST (vắng mặt).

3. Ông **Châu Thanh T**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp Trà Quýt, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh ST(vắng mặt).

4. Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp Đắc L, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh ST (vắng mặt).

5. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp Phú Hòa A, xã PT, huyện CT, tỉnh ST(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ 30 phU, ngày 11/01/2013, người bị hại Danh U cùng với một số người bạn tên S, Khanh, T và L tổ chức uống rượu tại quán cháo của bà Võ Thị Kim T, Tộc khu vực ấp Trà Quýt, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tại đây, sau khi đã uống hết rượu, thì ông T có mua 02 két bia Sài Gòn đỏ (loại bia chai thủy tinh) mang đến để tiếp tục uống. Lúc này, Danh Tốt (là anh ruột của Danh U) điều khiển xe mô tô chở bị cáo Trần Vĩnh M đến chơi và vào ngồi uống bia chung với nhóm bạn của Danh U. Sau khi uống hết 01 két bia nói trên, thì M đi bộ sang chơi tại chợ thị trấn Châu Thành (cách quán cháo của bà T khoảng 200 mét). Đến khoảng 22 giờ 30 phU cùng ngày, M có gặp 02 người bạn (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể), nên M mới rủ 02 người này quay lại chỗ bán cháo của bà T để cùng vào ngồi uống bia với nhóm bạn của Danh U. Khi đến nơi, do danh U không đồng ý cho 02 người bạn của M vào ngồi chung bàn, nên giữa M và Danh U có xảy ra mâu Tẫn, cải nhau, thì lúc này M cầm lấy chai bia Sài Gòn đỏ (chai bia còn chứa đầy nước) đánh trúng vào vùng mắt bên trái của Danh U gây thương tích, rồi M bỏ chạy trốn. Sau đó, Danh U được đưa đến bệnh viện để cấp cứu và điều trị vết thương. Đến ngày 05/02/2013, thì Danh U đã làm đơn yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng khởi tố vụ án hình sự và xử lý đối với hành vi của Trần Vĩnh M theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 02/TgT-PY, ngày 27/12/2013 của Trung tâm Pháp y, Tộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận đối với thương tích của người bị hại Danh U:

"**1**. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo ngang đuôi mày trái, kích thước (2,5 x 0,3)cm, sẹo có lông mày che.
- Nhãn cầu trái đã được cắt bỏ. Đã được gắn mắt giả.
- Mắt phải không tổn thương.

2. căn cứ vào Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH, ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội:

- Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **51%**.
- Tổn thương gây mù mắt trái (cố tật).
- Tổn thương nằm ở vùng nguy hiểm đến tính mạng".

Ngày 13/02/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Trần Văn M, về "Tội cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đến ngày 10/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng biết về việc đã bắt được Trần Vĩnh M (bắt tạm giam Trần Vĩnh M trong một vụ án khác).

Đến ngày 16/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Trần Vĩnh M, về tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS-CT, ngày 17/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Vĩnh M, về tội 'Cố ý gây thương tích", quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH 14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Vĩnh M mức án từ 06 năm đến 07 năm tù. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với hình phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Chống người thi hành công vụ" mà bị cáo đang chấp hành án theo quyết định tại Bản án số 163/2018/HS-ST, ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Danh U yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gồm chi phí điều trị vết thương, chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền ngày công lao động với tổng số tiền là 19.291.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vĩnh M đồng ý bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu người bị hại Danh U, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo về việc bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Về vật chứng của vụ án là chai bia Sài Gòn đỏ (loại chai thủy tinh), khi bị cáo Trần Vĩnh M dùng để đánh người bị hại Danh U gây thương tích, thì chai bia đã bị vỡ thành nhiều mãnh. Sau đó, người làm chứng Võ Thị Kim T đã T gom các mãnh vỡ của chai bia mang đi vứt bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không T giữ được, nên không đặt ra để xem xét.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, vắng mặt người bị hại và những người làm chứng nêu trên, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của

họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt người bị hại và những người làm chứng nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vĩnh M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 22 giờ 30 phU, ngày 11/01/2013, tại quán cháo của bà Võ Thị Kim T, Tộc khu vực ấp Trà Quýt, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, do có mâu Tẫn nhỏ với nhau trong lúc uống bia, thì bị cáo Trần Vĩnh M đã cố ý dùng chai bia Sài Gòn đỏ (loại chai thủy tinh, là hung khí nguy hiểm) đánh trúng vào vùng mắt trái của người bị hại Danh U gây thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể theo kết luận giám định pháp y là 51%.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Vĩnh M có các tình tiết định tội "Dùng hung khí nguy hiểm" và "Có tính chất côn đồ", quy định tại điểm a và i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng do thương tích của người bị hại Danh U là 51%, nên bị cáo Trần Vĩnh M phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, thì bị cáo Trần Vĩnh M được áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, để xét xử.

[3] Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc dùng chai bia Gài Gòn đỏ (loại chai thủy tinh, là hung khí nguy hiểm) đánh vào cơ thể của người khác sẽ gây thương tích. Nhận thức được điều đó, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại Danh U với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 51%. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, là khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ; hành vi của bị cáo còn thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an T xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bị cáo nghiêm trước pháp luật, nhằm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Vĩnh M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo đang bị bệnh nặng (lao phổi). Cho nên, cần xem xét, áp dụng các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về vật chứng của vụ án: là chai bia Sài Gòn đỏ (loại chai thủy tinh), khi bị cáo Trần Vĩnh M dùng để đánh người bị hại Danh U gây thương tích, thì chai bia đã bị vỡ thành nhiều mãnh. Sau đó, người làm chứng Võ Thị Kim T đã T gom các mãnh vỡ của chai bia mang đi vứt bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không T giữ được, nên không đặt ra để xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Danh U yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gồm chi phí điều trị vết thương, chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền ngày công lao động với tổng số tiền là 19.291.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vĩnh M đồng ý bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu người bị hại Danh U, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo về việc bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Vĩnh M phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH 14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 299, Điều 333, Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Vĩnh M** 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 163/2018/HS-ST, ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Vĩnh M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Chống người thi hành công vụ". Như vậy, tuyên buộc bị cáo Trần Vĩnh M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2018 (bị cáo được khấu trừ thời gian bị cáo đã chấp hành án phạt tù là 11 (mười một) tháng 28 (hai mươi tám) ngày theo quyết định thi hành hình phạt tù số 298/2018/QĐ-CA, ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Vĩnh M phải bồi thường thiệt hại gồm chi phí điều trị vết thương, chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền ngày công lao động cho người bị hại Danh U với tổng số tiền là 19.291.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Vĩnh M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 964.500 đồng (đã tính tròn số).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả Tận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST;
- VKND tỉnh ST
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS, CA huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn